

NĂM CHỦ TỊCH ASEAN 2020 VÀ NHỮNG THỨC ĐẨY ƯU TIÊN CỦA VIỆT NAM

LÊ TRỌNG TUYẾN*

Với chủ đề “Gắn kết và chủ động thích ứng” cho năm Chủ tịch ASEAN 2020 và “Việt Nam: Đối tác tin cậy vì hòa bình bền vững” khi đảm nhiệm trọng trách Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021, Việt Nam đang thể hiện sự nhất quán trong việc triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Chủ tịch ASEAN 2020; Cộng đồng ASEAN; chủ đề “gắn kết và chủ động thích ứng”.

With the themes “Cohesive and responsive” for the 2020 ASEAN Chairmanship and “Vietnam: a reliable partner for sustainable peace”, as a non-permanent member of the United Nations Security Council for the 2020-2021 term, Vietnam implements the principle of coherence in its foreign policies of independence, self-reliance, peace, cooperation and development, diversification and multilateralization of external relations, proactive and active promotion of international integration.

Key words: 2020 ASEAN Chairmanship; ASEAN Community; theme “cohesive and responsive”.

NGÀY NHẬN: 05/01/2020

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 31/01/2020

NGÀY DUYỆT: 16/3/2020

1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào ngày 08/8/1967 tại Băng-Cốc (Thái Lan) với mục tiêu tập hợp lực lượng chính trị nhằm xây dựng, duy trì hợp tác phát triển kinh tế, chia sẻ thịnh vượng chung và bảo đảm hòa bình, ổn định trong vấn đề an ninh của nền kinh tế khu vực Đông Nam Á. Theo đó, ASEAN được sáng lập bởi 5 nước là: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan thông qua việc ký kết Tuyên bố ASEAN. Sau đó, trong quá trình mở rộng của ASEAN, Bru-nây gia nhập ngày 08/01/1984, Việt Nam ngày 28/7/1995, Lào và Mi-an-ma ngày 23/7/1997

và Cam-pu-chia ngày 30/4/1999.

Sau hơn 50 năm thành lập, hợp tác và không ngừng phát triển, ASEAN hiện bao gồm 10 thành viên trong khu vực Đông Nam Á, “là cộng đồng của những quốc gia độc lập, đoàn kết đang phát triển ngày càng lớn mạnh, với dân số 650 triệu người, đứng thứ 3 thế giới, là nền kinh tế phát triển năng động với quy mô GDP năm 2018 đạt 2.950 tỷ USD, đứng thứ 5 toàn cầu, đã ký kết 6 Hiệp định thương mại tự do với 7 đối tác hàng đầu thế

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

giới, định vị vững chắc vị trí là vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, được sự tôn trọng và hợp tác của các cường quốc, các đối tác trên thế giới¹. Ngoài các trụ cột hợp tác về an ninh - chính trị, văn hóa - xã hội, ASEAN cũng đã và đang tập trung vào hợp tác kinh tế thông qua việc thành lập Cộng đồng Kinh tế (năm 2015), coi đây là một trong ba trụ cột quan trọng nhất nhằm xây dựng một Cộng đồng ASEAN vững mạnh về kinh tế, đa màu sắc về văn hóa và ổn định về an ninh, chính trị; phồn thịnh về an sinh xã hội...

2. Sau khi chính thức gia nhập ASEAN, Việt Nam đã nhanh chóng hội nhập, tham gia sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN và có những đóng góp tích cực trong việc duy trì đoàn kết nội khối, tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên cũng như giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài, góp phần không nhỏ vào sự phát triển và thành công của ASEAN ngày hôm nay.

Đóng góp đầu tiên đáng ghi nhận là vai trò tích cực của Việt Nam đối với việc thúc đẩy kết nạp các nước Lào, Mi-an-ma và Cam-pu-chia vào ASEAN, qua đó, hoàn tất ý tưởng về một ASEAN bao gồm toàn bộ 10 quốc gia ở Đông Nam Á, đưa ASEAN trở thành tổ chức đại diện cho toàn khu vực, chấm dứt thời kỳ chia rẽ giữa các nhóm nước, mở ra giai đoạn hợp tác hữu nghị cùng phát triển ở khu vực.

Sự kiện mang dấu ấn đậm nét của Việt Nam trong ASEAN là việc tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội (12/1998) - chỉ 3 năm sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của ASEAN và trong bối cảnh khu vực đang trong cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính nghiêm trọng, được các nước thành viên ASEAN và dư luận quốc tế đánh giá cao. Với việc thông qua Chương trình Hành động Hà Nội, Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 đã góp phần quan trọng tăng cường đoàn kết, đẩy mạnh hợp tác, khôi

phục hình ảnh ASEAN, đặc biệt định hướng cho sự phát triển và hợp tác của Hiệp hội trong những năm kế tiếp để thực hiện Tầm nhìn 2020.

Tiếp đó, từ tháng 7/2000 - 7/2001, Việt Nam đã hoàn thành tất vai trò Chủ tịch Ủy ban Thường trực ASEAN (ASC) khóa 34 và ARF, tổ chức và chủ trì thành công Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 34 (AMM 34), Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 8 (ARF 8), Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN và các nước Đông Bắc Á (ASEAN +3), các hội nghị sau Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao giữa ASEAN với các nước đối thoại (PMC + 10) và với từng nước đối thoại (PMC +1), Hội nghị sông Hằng - sông Mê công. Trong năm Việt Nam làm Chủ tịch, ASEAN và ARF đã đạt được những kết quả quan trọng, tiếp tục phát triển đúng hướng, phù hợp với lợi ích của từng nước ASEAN và lợi ích của cả khu vực.

Trên cơ sở những thành tựu, kinh nghiệm tích lũy được trong vai trò chủ trì, điều phối các hoạt động của ASEAN, Việt Nam ngày càng chủ động hơn trong việc tham gia hợp tác ASEAN, hướng hoạt động của ASEAN vào những nội dung thiết thực, vừa bảo đảm lợi ích của Việt Nam, vừa thể hiện sự quan tâm chung của ASEAN và các nước đối thoại. Nhằm duy trì môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực, Việt Nam đã cùng các nước trong ASEAN ký với Trung Quốc Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (năm 2002). Các bộ, ngành của Việt Nam cũng từng bước chủ động và tham gia tích cực, hiệu quả hơn trong tất cả các lĩnh vực hợp tác chuyên ngành của ASEAN, từ hợp tác kinh tế đến khoa học - công nghệ, môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa, công nghệ thông tin...

Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hoạt động quan trọng của ASEAN trong lĩnh

vực hợp tác kinh tế - chuyên ngành cũng như những hội nghị quan trọng cấp Bộ trưởng hoặc quan chức cao cấp về hợp tác kinh tế ASEAN: Hội nghị các quan chức cao cấp về tội phạm xuyên quốc gia (SOMTC-2003), Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về chống Tội phạm xuyên quốc gia (AMMTC - 2005), Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp ASEAN (2008), Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN (2008)... Quốc hội Việt Nam cũng tích cực tham gia các hoạt động của Liên minh nghị viện ASEAN (AIPA), trước đây là AIPO. Việt Nam đã chủ trì tổ chức thành công Đại hội đồng AIPO 23 (năm 2002) và Đại hội đồng AIPA tại Hà Nội tháng 4/2010. Ngoài ra, tham gia vào hàng trăm chương trình, dự án hợp tác trên các lĩnh vực khác nhau trong ASEAN, chủ động đề xuất, chủ trì nhiều dự án hợp tác đa phương của khu vực.

Những năm đầu thế kỷ XXI, khi ASEAN có những bước chuyển mạnh mẽ nhằm tăng cường liên kết khu vực, tận dụng các cơ hội mới đang mở ra cũng như ứng phó hiệu quả hơn với các thách thức mới, Việt Nam đã đóng vai trò tích cực cùng các nước ASEAN để ra định hướng chiến lược cho sự phát triển của ASEAN, hướng tới xây dựng một Cộng đồng ASEAN năng động, tự cường và gắn kết với ba trụ cột chính là Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN (ASCC) - ý tưởng về việc hình thành cộng đồng ASEAN là theo sáng kiến của Việt Nam).

Đặc biệt, trong quá trình soạn thảo và đi đến ký kết Hiến chương ASEAN - văn kiện quan trọng tạo khung pháp lý và khuôn khổ thể chế hỗ trợ ASEAN thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN, Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia ngay từ đầu. Sau khi Hiến chương được ký kết (tháng 11/2007), Việt Nam là một trong những nước sớm phê chuẩn Hiến chương (ngày 06/03/2008) và tích cực tham gia các hoạt

động chung của ASEAN trong việc triển khai đưa Hiến chương vào cuộc sống, như xây dựng Quy chế hoạt động của các cơ quan mới của ASEAN; tham gia tích cực các hoạt động của Nhóm đặc trách (HLP) và soạn thảo Quy chế hoạt động của Cơ quan nhân quyền ASEAN và Nhóm chuyên gia pháp lý (HLEG) về triển khai Hiến chương ASEAN.

3. Năm 2010, lần đầu tiên Việt Nam đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN nhưng đã hoàn thành xuất sắc vai trò này. Không chỉ đề xuất một số sáng kiến và đã được hiện thực hóa như cơ chế Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng mở rộng (ADMM+), thành lập Ủy ban thúc đẩy và bảo vệ quyền phụ nữ và trẻ em ASEAN mà trong hợp tác với các đối tác ASEAN, chúng ta còn tạo được đồng thuận về quyết định mở rộng Hội nghị Cấp cao Đông Á cho Nga và Mỹ tham gia. Có thể nói, Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2010 với những kết quả thực chất, góp phần thúc đẩy "văn hóa thực thi" và cụ thể hóa một bước quan trọng mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN 2015, nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của ASEAN.

Với tư cách là nước điều phối quan hệ đối thoại giữa ASEAN với nhiều đối tác quan trọng như Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Ôt-xtrây-li-a, Canada và hiện tại là Trung Quốc, Việt Nam đã phát huy vai trò là cầu nối tích cực, tăng cường quan hệ giữa ASEAN với các đối tác này, kể cả việc góp phần tháo gỡ một số vướng mắc, giúp nâng tầm quan hệ giữa 2 bên, được ASEAN và các nước đối thoại đánh giá cao.

Năm 2019, Việt Nam thúc đẩy việc thông qua, hoàn tất đàm phán Hiệp định thương mại dịch vụ, xây dựng lộ trình cắt giảm hàng rào phi thuế quan và kết thúc đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Một trong những kết quả quan trọng là chúng ta cùng các nước thành viên đã xây dựng và thông qua quan điểm về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, giúp hình thành

lập trường chung của ASEAN về vấn đề này, thúc đẩy hợp tác với các nước trên cơ sở phù hợp với các giá trị của ASEAN. Việt Nam cũng đang cùng đàm phán với Trung Quốc về Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông và bảo đảm đây là một văn kiện hiệu lực, hiệu quả...

Như vậy, trong suốt những năm qua và đặc biệt là trong thời gian gần đây, Việt Nam ngày càng tham gia tích cực trong các hoạt động hợp tác và liên kết với ASEAN, tăng cường củng cố đoàn kết, thống nhất trong ASEAN và củng cố vai trò trung tâm của ASEAN trong duy trì hợp tác, hòa bình và ổn định trong khu vực. Có thể thấy, quá trình tham gia ASEAN đã mang lại cho Việt Nam nhiều lợi ích quan trọng và thiết thực mà bao trùm là góp phần bảo đảm môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, trong đó có việc tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các nước trong việc xử lý những thách thức đối với an ninh và phát triển, nhất là trong việc bảo vệ chủ quyền, lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông. Đồng thời, thông qua liên kết kinh tế nội khối ASEAN và các thỏa thuận thương mại tự do giữa ASEAN với các đối tác, Việt Nam có thể tiếp cận thuận lợi hơn các thị trường trong và ngoài khu vực, tăng cường thu hút đầu tư và mở rộng quan hệ thương mại quốc tế.

Quá trình hội nhập ASEAN cũng giúp Việt Nam có cơ hội tiếp nhận được thông tin, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm quản lý hiện đại và nguồn lực; nâng cao năng lực thể chế và khả năng xử lý các vấn đề xuyên quốc gia như môi trường, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu; đào tạo và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, tạo chuyển biến tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, luật lệ và thủ tục trong nước cho phù hợp hơn với yêu cầu hội nhập quốc tế. Từ cách thành viên ASEAN tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam mở rộng và tăng cường quan hệ với các đối tác ngoài ASEAN, nhất là

các nước lớn, cũng như tham gia sâu rộng hơn vào các khuôn khổ hợp tác quốc tế hay liên khu vực rộng lớn hơn, qua đó, góp phần nâng cao vai trò, vị thế quốc tế của Việt Nam.

4. Năm 2020, với ASEAN là năm bản lề quan trọng để kiểm điểm giữa kỳ công tác triển khai các kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng ASEAN 2015 - 2025. Còn với Việt Nam, đây là dấu mốc quan trọng khi Việt Nam lần thứ 2 đảm nhận vai trò Chủ tịch luân phiên của ASEAN và cũng là dịp kỷ niệm 25 năm Việt Nam gia nhập ASEAN.

So với giai đoạn 10 năm trước, ASEAN đã trưởng thành hơn, lớn mạnh hơn, là một tổ chức gắn kết hơn, một cộng đồng đem lại lợi ích cho tất cả các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, đi kèm với thuận lợi là những thách thức không nhỏ. Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp đã đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm đối với chủ nghĩa đa phương, tự do thương mại..., các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng. Chính vì vậy, ASEAN đang phải tập trung cùng tìm cách ứng xử sao cho hiệu quả nhất, bảo đảm sự đoàn kết ASEAN và bảo đảm các diễn biến không ảnh hưởng tới nỗ lực xây dựng Cộng đồng ASEAN. Ngoài ra, ASEAN cũng phải đối mặt với những vấn đề cụ thể như biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, quản lý biên giới, chia sẻ nhận thức về giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia (không chỉ về biên giới lãnh thổ mà cả về thương mại)...

Cùng với năm Chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam cũng đảm nhận vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021. Đây là nhiệm vụ kép, giúp Việt Nam có thể tăng cường vai trò, vị thế không chỉ của Việt Nam mà cả ASEAN trên diễn đàn quốc tế Liên hiệp quốc, gắn kết hợp tác ASEAN - Liên hiệp quốc. Việt Nam sẽ là cầu nối của Liên hiệp quốc với

ASEAN để thực hiện triển khai các chương trình, các kế hoạch của ASEAN đồng bộ với những mục tiêu của Liên hiệp quốc. Với nhiệm vụ kép này, vai trò, vị thế và tiếng nói của Việt Nam sẽ có trọng lượng hơn và được nhiều quốc gia quan tâm hơn. Mặt khác, Việt Nam cũng phải phối hợp với các quốc gia, các thành viên của ASEAN cũng như với các thành viên của Hội đồng Bảo an và các quốc gia khác tại Liên hiệp quốc để bảo đảm sự cân bằng cũng như quan tâm chính đáng tới lợi ích của các bên phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Xuất phát từ các vấn đề đặt ra cho ASEAN cũng như căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ về xây dựng Cộng đồng ASEAN, Việt Nam đã lựa chọn chủ đề cho năm Chủ tịch ASEAN 2020 là: “Gắn kết và Chủ động thích ứng” (“Cohesive and Responsive”). Theo đó, khái niệm “gắn kết” (cohesive) thể hiện ý tưởng củng cố khối đoàn kết, thống nhất, nâng cao năng lực nội tại và thúc đẩy Cộng đồng ASEAN phát triển vững mạnh, tăng cường liên kết khu vực, kết nối về kinh tế, để cao ý thức cộng đồng và bản sắc của ASEAN, gắn bó người dân và lấy người dân làm trung tâm. Khái niệm “chủ động thích ứng” (responsive) là nâng cao năng lực thích ứng trước các biến động nhanh chóng của tình hình thế giới, các thách thức đang nổi lên như cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh..., đồng thời cũng là nâng cao khả năng tận dụng cơ hội và hạn chế thách thức do tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. “Chủ động thích ứng” là một trong những nội hàm của Tâm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025, lần đầu tiên được đưa vào chủ đề Năm ASEAN nhằm phản ánh nhu cầu nâng cao tính chủ động, sáng tạo, sự chuyển biến và khả năng vươn lên mạnh mẽ, hướng về phía trước của ASEAN.

Như vậy, “gắn kết” và “thích ứng” là hai thành tố có tính giao thoa, bổ trợ chặt chẽ. Một Cộng đồng ASEAN gắn kết và phát triển cần gia tăng chủ động thích ứng với các yếu tố tác động bên ngoài và ngược lại, khả năng chủ động thích ứng chỉ có thể có được nếu ASEAN là một khối gắn kết chặt chẽ.

Với chủ đề này, Việt Nam sẽ tập trung vào những ưu tiên:

Một là, phát huy vai trò và đóng góp tích cực của ASEAN vào công cuộc duy trì môi trường hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực trên cơ sở tăng cường đoàn kết, thống nhất ASEAN; đẩy mạnh tinh thần gắn bó, tương trợ và ủng hộ lẫn nhau giữa các nước thành viên; nâng cao khả năng phối hợp lập trường chung của ASEAN trong việc xử lý các vấn đề khu vực và quốc tế; thúc đẩy hình thành và tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực ứng xử chung trong quan hệ giữa các quốc gia; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định ở khu vực.

Hai là, thúc đẩy liên kết và kết nối khu vực, nâng cao khả năng thích ứng và tận dụng các cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0, theo đó liên kết kinh tế sâu rộng và kết nối toàn diện trong nội khối và với các đối tác; thúc đẩy tăng trưởng bền vững và bao trùm về kinh tế, tài chính và xã hội trên nền tảng đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số và các công nghệ mới; tiếp tục nỗ lực thu hẹp khoảng cách phát triển; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường các dịch vụ xã hội phục vụ người dân và nhóm yếu thế; hiện đại hóa nền hành chính công; xây dựng môi trường xanh...

Ba là, thúc đẩy ý thức cộng đồng và bản sắc ASEAN: tạo dựng các giá trị chung của ASEAN và phổ biến rộng rãi trong người dân, thúc đẩy nhận thức và nhận diện về Cộng đồng ASEAN thống nhất trong đa dạng, nâng cao hình ảnh của Cộng đồng ASEAN trong khu vực và trên thế giới.

Bốn là, đẩy mạnh quan hệ đối tác vì hòa bình và phát triển bền vững với các nước trên thế giới, phát huy vai trò và đóng góp của ASEAN trong cộng đồng quốc tế; mở rộng và nâng tầm quan hệ với các đối tác trên toàn cầu, góp phần định hình cấu trúc và luật chơi mới của khu vực và thế giới.

Năm là, nâng cao năng lực thích ứng và hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN: cải cách thể chế, tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy ASEAN; điều chỉnh, hoàn thiện và nâng cấp các quy trình, quy chuẩn trong ASEAN.

Theo dự kiến, trong năm Chủ tịch 2020, Việt Nam sẽ chủ trì, điều phối và tổ chức khoảng 300 hội nghị, hoạt động ở các cấp khác nhau, rộng khắp các lĩnh vực và xuyên suốt 3 trụ cột của ASEAN, trong đó quan trọng nhất là 2 đợt Hội nghị Cấp cao vào tháng 4 và tháng 11/2020 (khoảng 20 đoàn), Đại hội đồng lần thứ 41 Hội đồng Liên Nghị viện các quốc gia Đông Nam Á vào tháng 8/2020, dịp Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN với các đối tác (khoảng 30 đoàn), các Hội nghị Bộ trưởng của 3 trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội, các hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng phụ trách về kinh tế, tài chính, môi trường, giao thông vận tải... và nhiều hội nghị cấp Thứ trưởng và cấp làm việc để chuẩn bị nội dung cho các hội nghị trên.

Tại các diễn đàn quan trọng hàng đầu ở tám khu vực và toàn cầu này, chúng ta sẽ cùng các nước thành viên và bạn bè, đối tác tập trung vào các định hướng lớn sau:

Thứ nhất, đề cao lợi ích chung của khu vực và cộng đồng quốc tế là hòa bình, hợp tác và phát triển. Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng", những sáng kiến, ưu tiên mà chúng ta đề ra tại ASEAN và Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc phản ánh mẫu số chung lợi ích của tất cả các nước thành viên, trong đó

có Việt Nam, đồng thời bảo đảm hài hòa với lợi ích của các đối tác khu vực và quốc tế.

Thứ hai, thúc đẩy vai trò của chủ nghĩa đa phương, Hiến chương Liên hiệp quốc và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế vì một thế giới hòa bình, công bằng và tốt đẹp hơn. Đặc biệt, nhân dịp này, tăng cường hiệu quả hợp tác và quan hệ đối tác toàn diện giữa ASEAN và Liên hiệp quốc, vì lợi ích chung của các nước ASEAN và cộng đồng quốc tế.

Thứ ba, chủ động và tích cực đóng góp vào việc giải quyết các thách thức chung của toàn cầu và khu vực, nhất là những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích các nước và của khu vực như hòa bình, an ninh, ổn định, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, khắc phục hậu quả chiến tranh, tái thiết hậu xung đột...².

Với thế và lực mới của đất nước sau 10 năm kể từ lần đầu tiên đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã và đang sẵn sàng để tiếp tục khẳng định vai trò và trách nhiệm của mình trong Cộng đồng ASEAN, duy trì đà tiến triển của ASEAN trong đời sống chính trị toàn cầu, đáp ứng sự tin tưởng và trông đợi của các nước thành viên và đối tác, mang lại những lợi ích thiết thực nhất cho hơn 630 triệu người dân trong khu vực ASEAN □

Chú thích:

1. *Phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Lễ khởi động năm Chủ tịch ASEAN 2020*, ngày 06/01/2020, tại Hà Nội.
2. *Thông điệp của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhân dịp Việt Nam đảm nhận trọng trách mới*. <https://moba.gov.vn>, ngày 07/01/2020.

Tài liệu tham khảo:

1. *Việt Nam khẳng định vị thế và vai trò trong ASEAN*. <https://nhandan.com.vn>, ngày 15/12/2019.
2. *Năm Chủ tịch ASEAN 2020: Việt Nam thúc đẩy 5 ưu tiên, xây dựng Cộng đồng ASEAN gắn kết*. <https://bnews.vn>, ngày 01/01/2020.

ĐỔI MỚI VÀ DÂN CHỦ HÓA CÔNG TÁC CÁN BỘ - CÔNG VIỆC GỐC CỦA ĐẢNG

LÊ THỊ PHƯƠNG*

Công tác tổ chức cán bộ được xác định là một trong bốn mặt công tác chính của Đảng. Vì vậy không thể xây dựng, chính đốn Đảng thành công nếu không đổi mới được công tác cán bộ. Đổi mới và dân chủ hóa công tác cán bộ phải đi đôi với cải cách tổ chức bộ máy nhà nước từ trung ương đến cơ sở theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của các cấp chính quyền.

Từ khóa: Công tác cán bộ; tổ chức bộ máy; đổi mới; cải cách; dân chủ; công việc gốc của Đảng. The personnel and organization work is identified as one of the four key works of the Party. Therefore, it is impossible to build and rectify the Party without renovation of the personnel work. Renovation and democratization of the personnel work must go hand in hand with the reform of the state apparatus at all levels from the central to grassroots towards streamlining, efficiency, transparency and accountability of governments at all levels.

Key words: Personnel work; apparatus and organization; renovation; reform; democracy; the root of the Party's work.

NGÀY NHẬN: 23/12/2019

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 21/01/2020

NGÀY DUYỆT: 16/3/2020

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ (CTCB) và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định tập thể, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu tổ chức đó trong CTCB. Nguyên tắc này đòi hỏi Đảng quyết định CTCB một cách tập thể, dân chủ, có phân cấp rõ ràng theo một quy trình, quy chế rành mạch, thống nhất, nắm hạn chế những quyết định độc đoán, chuyên quyền của cá nhân người lãnh đạo. Tiến đề của việc thực hiện nguyên tắc đó là người đứng đầu có phẩm chất và năng lực, thực sự quy tụ được ý chí và trí tuệ tập thể. Nếu không, có thể rơi vào một trong hai thái

cực: (1) Buông lỏng trách nhiệm cá nhân, hoàn toàn dựa dẫm vào tập thể; (2) Lấy tập thể làm bình phong để thực hiện ý chí của cá nhân mình mà không phải chịu trách nhiệm cụ thể gì.

Có thể nhận thấy rõ, những năm qua, CTCB đã có nhiều đổi mới, tiến bộ, đã tiến hành nhiều nghị quyết, quy định, quy chế, kết luận, các văn bản quy phạm pháp luật... kịp thời đáp ứng yêu cầu tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ CTCB, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, công tâm, khách quan.

* *ThS, Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

Kết quả bước đầu sau hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" rất khả quan. Về tổ chức hành chính các ban, bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan trung ương đã giảm 4 cơ quan, đơn vị; giảm 26 cục, vụ; 2.785 phòng và tương đương; giảm 3.866 cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đã giảm 4.139 tổ chức và 9.893 cán bộ lãnh đạo, quản lý¹.

Khu vực các đơn vị sự nghiệp trong các ban, bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan trung ương giảm 80 đơn vị và 207 cán bộ lãnh đạo, quản lý; đơn vị sự nghiệp các tỉnh, thành phố giảm 4.139 tổ chức và 9.893 cán bộ lãnh đạo, quản lý. Bên cạnh sắp xếp tổ chức là tinh giản biên chế. Cả nước giảm khoảng 236.000 biên chế, tương ứng giảm khoảng 6,5% so với biên chế².

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế hiện nay, CTCB còn nhiều bất cập, chưa ngang tầm với nhiệm vụ và yêu cầu của công cuộc đổi mới. Không ít cán bộ còn yếu về năng lực, nhiều hạn chế về phẩm chất, đạo đức, lối sống, thiếu gương mẫu trong các mặt công tác. Nhưng tại sao số cán bộ này vẫn được thăng tiến từ cấp này lên cấp khác, vẫn giữ, đảm nhiệm được cương vị, trách nhiệm ở vị trí đó, không bị áp lực nặng nề về trách nhiệm...? Nếu vậy thì chỉ có thể là yêu cầu công việc, trách nhiệm ở vị trí đó chưa rõ ràng hoặc chưa tương xứng với vị trí, hoặc vị trí đó không có chức năng, nhiệm vụ cụ thể trong tổ chức bộ máy; hoặc là không có cơ chế để có thể quy trách nhiệm, loại bỏ, bãi miễn cán bộ không đủ năng lực.

Như vậy, tồn tại vấn đề về tổ chức bộ máy chưa tốt, chưa hợp lý và khách quan. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu

cầu, nhiệm vụ. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp... Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ; còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ, thực hiện chính sách phát triển và trung dụng nhân tài còn nhiều bất cập, nhất là đối với công việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược.

2. Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị "Về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng" đã đặt ra yêu cầu: "Công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử phải thực hiện đúng Điều lệ, quy chế, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước; bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch;...". Để chuẩn bị tốt cho đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng, cần tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp đổi mới và phát huy dân chủ trong CTCB, cụ thể là:

Thứ nhất, chuẩn hóa và ban hành các quy chế, quy định về CTCB thật sự công khai, dân chủ, minh bạch.

Các đơn vị chức năng ban hành văn bản này cần rà soát, bổ sung, hoàn thiện, xây dựng mới hệ thống tiêu chuẩn gắn với từng chức danh cán bộ ở từng cấp, ngành cụ thể, làm căn cứ để thực hiện các khâu của CTCB như quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ,...

Hoàn thiện quy trình và hệ thống văn bản hướng dẫn về CTCB gồm có: sơ đồ tổ chức và mô tả hệ thống công việc - chức danh cụ thể; các bản phân tích công việc và tiêu chuẩn hóa công việc; bản hướng dẫn về phương pháp đánh giá và cách cho điểm đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng chức danh cụ thể.

Xây dựng chế độ lương, khen thưởng, kỷ luật mang tính cạnh tranh cho từng chức danh, vị trí cán bộ, tuyệt đối tránh tình trạng cào bằng trong điều kiện kinh tế thị trường. Thực tế, với chế độ lương, thưởng như hiện nay phần lớn cán bộ làm việc chỉ cốt để hoàn thành nhiệm vụ, còn dành sự quan tâm, sức lực, năng lực sáng tạo vào những việc làm thêm khác để tăng thêm thu nhập cá nhân. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế, chính sách về lương, thưởng để khuyến khích khiến cán bộ hoàn thành tốt công việc, có tinh thần trách nhiệm và sáng kiến trong công việc.

Đổi mới các cơ quan tổ chức cán bộ của Đảng. Các cơ quan này phải có đầy đủ thẩm quyền và năng lực thực tế để thực hiện những nghiên cứu khoa học, khảo sát, điều tra, đề xuất và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể; có vị trí tương đối độc lập bảo đảm tính khách quan trong hoạt động, trách nhiệm rõ ràng và sự giám sát chặt chẽ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm CTCB. Đòi hỏi đội ngũ này phải được lựa chọn thật kỹ về năng lực, phẩm chất đạo đức, đặc biệt là sự trung thực, công tâm.

Thứ hai, cụ thể hóa phương châm "dân chủ hóa, công khai hóa" CTCB.

Công khai, dân chủ trong đánh giá, trong quy hoạch và trong đề bạt, bổ nhiệm cán bộ, bảo đảm dân chủ, công khai đối với cán bộ, được đánh giá. Người được đánh giá phải được thông báo về nội dung đánh giá, được phát biểu ý kiến về nội dung đánh giá. Cơ quan có trách nhiệm đánh giá phải nghiên cứu ý kiến của người được đánh giá và trả lời người được đánh giá.

Thực hiện dân chủ trong bầu cử để đào tạo và lựa chọn cán bộ. Đổi mới công tác bầu cử là khâu trọng tâm của dân chủ hóa CTCB, bởi đây là nơi mà cán bộ thể hiện rõ ràng nhất nhân cách, bản lĩnh, trí tuệ và kỹ năng của mình trước công việc, trước nhân dân. Dân chủ trong Đảng đặt ra yêu cầu phải đổi mới công tác bầu cử ở mọi cấp từ trung ương đến

cơ sở. Cán bộ nhận thức mới về thể chế bầu cử, coi bầu cử là một trong những thể chế quan trọng nhất, là một phương thức quan trọng nhất để chuẩn bị một đội ngũ cán bộ đủ năng lực cho một đảng cầm quyền. Trong đó, cần đổi mới quy trình giới thiệu người ứng cử bảo đảm được tín nhiệm trong tổ chức Đảng, có khả năng đại diện cho nguyện vọng, ý chí của đảng viên.

Thí điểm và mở rộng các phương thức dân chủ trực tiếp. Bầu cử dân chủ trực tiếp là đại hội Đảng các cấp trực tiếp bầu các chức danh của tổ chức Đảng cấp mình, bỏ dần cách bầu cử gián tiếp. Tuy nhiên, để làm được việc này cần bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao năng lực làm chủ, trách nhiệm làm chủ của đảng viên. Chừng nào năng lực làm chủ, trách nhiệm làm chủ của đảng viên chưa ngang tầm; việc cung cấp thông tin chưa kịp thời, chính xác, minh bạch, dân chủ thì phương thức bầu cử có dân chủ bao nhiêu đi nữa thì kết quả bầu cử chưa hẳn đã khách quan, chính xác, người đắc cử chưa hẳn đã là tinh hoa của tổ chức Đảng, của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thứ ba, gắn trách nhiệm cá nhân trong CTCB.

Trong CTCB, cho dù có quy trình, phương thức hoạt động tốt thì sự công tâm, sâu sát của người có trách nhiệm vẫn là quan trọng nhất. Do vậy, vấn đề ở đây là phải làm thế nào để khiến cho người có trách nhiệm không thể đi ngược lại lợi ích của tổ chức, tập thể. Cần có những điều kiện ràng buộc, gắn trách nhiệm cá nhân; vừa có sự giám sát, kiểm tra của cơ quan chức năng. Từ xưa, cha ông ta cũng đã áp dụng thưởng, phạt đối với những người tiến cử quan lại; người nào giới thiệu, tiến cử được hiền tài sẽ được khen thưởng, thăng cấp; người nào tiến cử người yếu kém, tha hóa biến chất sẽ bị phạt, giáng chức hoặc cho thôi việc.

Ở bất kỳ một cương vị, vị trí công tác nào cũng phải tính đến khả năng quy trách nhiệm.

Sự giám sát có hiệu quả đến đâu cũng không có tác dụng thật sự nếu không thể quy được trách nhiệm. Trách nhiệm cần phải được đưa vào các quy định một cách rõ ràng. Càng có thẩm quyền lớn, trách nhiệm ràng buộc càng cao và mức độ xử phạt nếu không hoàn thành trách nhiệm cũng phải tương ứng. Có như vậy mới đủ sức ngăn chặn, khiến cho cán bộ không dám lơ là, thiếu trách nhiệm.

Thứ tư, có cơ chế kiểm tra, giám sát cán bộ chặt chẽ của cơ quan chức năng.

Để sự kiểm tra, giám sát có hiệu quả, cần thực hiện có hiệu quả việc kê khai tài sản của đội ngũ cán bộ, công chức. Cần nâng cao tính độc lập và khách quan của việc kiểm tra, giám sát cán bộ.

Xây dựng quy chế kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước và quần chúng nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra cán bộ, công chức. Qua kiểm tra, cán bộ không thể đảm đương được trách nhiệm thì phải kịp thời điều chỉnh và bố trí người khác thay thế, không cần chờ đến hết nhiệm kỳ bầu cử đối với cán bộ được bầu. Những cán bộ thoái hóa, biến chất phải được phát hiện kịp thời và kiên quyết loại bỏ khỏi đội ngũ cán bộ, công chức.

Cán bộ chủ chốt và cán bộ dân cử các cấp phải thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, chủ động nắm bắt tâm tư, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và có biện pháp giải quyết kịp thời.

Thứ năm, xây dựng cơ chế để nhân dân tham gia xây dựng và đánh giá cán bộ, kiểm tra, giám sát cán bộ.

Trong bốn cấp hành chính hiện nay ở nước ta thì ở cấp cơ sở, việc giám sát của nhân dân có những chuyển biến tích cực. Song do nhiều nguyên nhân, càng lên cấp trên, nhân dân càng khó giám sát cán bộ của mình. Một số thủ tục hành chính rườm rà, cộng với sự phân cấp quản lý chồng chéo không rõ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân nên quần chúng nhân dân dù có nhiệt

huyết đến mấy cũng khó đủ kiên nhẫn, thời gian, công sức, tiền của để “theo đến cùng” tổ chức, đưa ra ánh sáng một số cán bộ mắc khuyết điểm, tham nhũng, tiêu cực cũng như trừ dập người dám đấu tranh cho công bằng và lẽ phải.

Nhân dân có vai trò quan trọng trong việc đánh giá cán bộ. Do đó, cần hoàn thiện cơ chế và thực hiện thành nền nếp việc quản chúng, nhân dân tham gia giám sát, đánh giá cán bộ trước khi sắp xếp, bổ nhiệm. Bên cạnh cơ chế này, cần có những biện pháp, cơ chế bảo vệ người chống tiêu cực, tố giác sai phạm, những người phát hiện, phản ánh những hành vi sai trái của cán bộ.

Thứ sáu, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ sai phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Các quy định để xử lý một cán bộ sai phạm đã được ban hành. Vấn đề nằm ở chỗ là thực hiện chúng như thế nào. Việc xử lý phải làm mạnh mẽ và dứt khoát, triệt để thì mới có tác dụng hạn chế, ngăn ngừa. Là cán bộ ở vị trí càng cao, trách nhiệm và thẩm quyền càng lớn thì khi vi phạm mức xử lý càng phải nặng. Có như vậy mới ràng buộc và gắn được trách nhiệm của người có thẩm quyền, hạn chế ở mức thấp nhất sự lạm dụng quyền lực. □

Chú thích:

1, 2. *Tinh gọn bộ máy, tăng hiệu quả hoạt động.* <https://moha.gov.vn>, ngày 09/01/2020.

Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*. H. Văn phòng Trung ương Đảng, 2016.
- Quy định số 179-QĐ-TW ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị quy định về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.*
- Hướng dẫn 26-HD/BCTCW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.*

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VŨ VIỆT HÀ*

Những năm qua, công tác cải cách hành chính mà trọng tâm là đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước đã được các bộ, ngành, địa phương đặc biệt quan tâm, góp phần xây dựng chính phủ kiến tạo, phục vụ nhân dân. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt về đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Từ khóa: Cải cách thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin; Chính phủ kiến tạo, phục vụ.

The administrative reform in recent years with a focus on simplifying and publicizing administrative procedures has attracted special attention of ministries, sectors, localities, and contributed to development of an enabling, serving government. The Government and the Prime Minister have given drastic directives on accelerating the administrative reforms, especially the administrative procedure reform, promoting information technology application to improve quality of the services for people and businesses.

Key words: Administrative procedure reform; information technology application; enabling, serving government.

NGÀY NHẬN: 05/01/2020

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 05/02/2020

NGÀY DUYỆT: 16/3/2020

1. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) là một nội dung hết sức quan trọng trong tiến trình đổi mới, phát triển và hội nhập của Việt Nam. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua, các địa phương đã tích cực triển khai và đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

cho người dân và doanh nghiệp (DN). Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuẩn hóa cơ sở dữ liệu và quy trình giải quyết để nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức.

Thứ nhất, về công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

* TS, Học viện Chính trị Công an nhân dân

Các bộ, ngành, địa phương đã tăng cường rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thành phần hồ sơ và điều kiện thực hiện TTHC, nhất là các ngành, lĩnh vực có nhiều TTHC liên quan trực tiếp đến người dân, DN; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC mới, bảo đảm đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa các cấp; công bố, công khai kịp thời các quy định TTHC có điều chỉnh mới.

Năm 2019, Bộ Tài chính đã ban hành 18 quyết định công bố bãi bỏ 49 TTHC, sửa đổi, bổ sung 23 TTHC và ban hành mới 38 TTHC thuộc các lĩnh vực: thuế, hải quan, chứng khoán, quản lý công sản, ngân hàng và bảo hiểm. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã trình Chính phủ ban hành một số quy định mới, trong đó, cắt giảm 28 điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động... Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng ban hành theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa tới 108 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ...¹.

Tại địa phương, nhiều nơi đã tích cực rà soát, áp dụng các biện pháp cụ thể để đổi mới phương thức làm việc, tăng cường ứng dụng CNTT nhằm rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC, giúp cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo thuận lợi cho người dân, DN, như: tỉnh Long An đã tiến hành rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết đối với 23 TTHC trên 12 lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của 9 sở, ngành của tỉnh; ước tính tiết kiệm chi phí sau đơn giản hóa là 756.702.203 đồng/năm. Tỉnh Cà Mau, qua rà soát đã ban hành quyết định rút ngắn ít nhất 10% thời gian giải quyết so với quy định đối với 172 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện. Tỉnh Đồng Tháp đã rà soát và kiến nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa 421/1.801 TTHC, ước tính giảm chi phí tuân thủ 52.856.371.500 đồng/năm...².

Thứ hai, về việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức và sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa các cấp theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ. Năm 2019, có 5 bộ, ngành trung ương đã thành lập bộ phận một cửa tập trung để tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan bộ, ngành. Ngoài ra, nhiều bộ, ngành khác đã thành lập và vận hành có hiệu quả bộ phận một cửa tại các đơn vị trực thuộc có giải quyết TTHC (cục, tổng cục và tương đương); có 55/63 địa phương đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Các bộ, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, xây dựng và cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử, quy trình liên thông để thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC. Nhiều bộ, ngành đã ban hành quyết định công bố nhóm TTHC liên thông thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý, tạo thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện. Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt danh mục gồm 36 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, bộ phận một cửa các cấp.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương đang sử dụng hiệu quả các tiện ích của mạng xã hội như Zalo, Youtube, Facebook để cung cấp thông tin về quy định TTHC và thông báo tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ, giúp cho việc tiếp cận thông tin và tìm hiểu về TTHC của cá nhân, tổ chức ngày càng dễ dàng và thuận tiện, điển hình như: Bắc Giang, Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Ninh, Hải Phòng...

Việc tiếp nhận, trả lời kiến nghị của người dân, DN qua Hệ thống thông tin trên Cổng

thông tin điện tử Chính phủ được đặc biệt chú trọng. Theo thống kê của Văn phòng Chính phủ, năm 2019, Hệ thống tiếp nhận, trả lời kiến nghị của người dân, DN đã tiếp nhận 1.595 phản ánh, kiến nghị; chuyển 1.177 phản ánh, kiến nghị đến các bộ, ngành, địa phương để xem xét, xử lý theo thẩm quyền; các bộ, ngành, địa phương đã trả lời 891 phản ánh, kiến nghị, đạt tỷ lệ 75,70%. Các ý kiến trả lời đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ³.

Thứ ba, về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu và quy trình giải quyết để nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức.

Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, triển khai xây dựng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Năm 2019, đã có 16/22 bộ, cơ quan ngang bộ, 5/6 cơ quan thuộc Chính phủ và 40/63 địa phương triển khai mô hình điện toán đám mây; 19/22 bộ, cơ quan ngang bộ, 4/6 cơ quan thuộc Chính phủ và 57/63 tỉnh/thành phố có Trung tâm dữ liệu; 12/22 bộ, cơ quan trung ương và 63/63 địa phương đã triển khai xây dựng và vận hành phần mềm một cửa điện tử. Việc triển khai chữ ký số chuyên dùng đã mang lại những kết quả bước đầu: 89/95 bộ, ngành, địa phương đã tích hợp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ vào hệ thống quản lý văn bản và điều hành để sử dụng trong xử lý công việc.

Việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 được quyết liệt triển khai. Văn phòng Chính phủ cũng chính thức khai trương đưa vào sử dụng Trục liên thông văn bản quốc gia, kết nối liên thông để phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử giữa 95/95 cơ quan

nhà nước từ trung ương đến địa phương. Thủ tướng Chính phủ đã trực tiếp ký điện tử ban hành Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công (DVC) quốc gia. Theo thống kê, 13 bộ, ngành trung ương và 51 địa phương đã phát sinh gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc (cấp vụ, cục; sở, ngành; quận, huyện); 1.200 sở, ngành, quận, huyện đã kết nối thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp bộ, cấp tỉnh để gửi, nhận văn bản trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Chỉ tính riêng từ khi triển khai đến ngày 12/11/2019, đã có tổng số 230.398 văn bản điện tử được gửi và 627.630 văn bản điện tử được nhận giữa các cơ quan nhà nước qua Trục liên thông văn bản quốc gia⁴.

Ngày 24/6/2019, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (Hệ thống e-cabinet) chính thức được đưa vào sử dụng, góp phần đổi mới phương thức làm việc của Chính phủ trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ CNTT, hướng tới Chính phủ không giấy tờ, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên Chính phủ.

Ngày 09/12/2019, Chính phủ chính thức khai trương Cổng DVC quốc gia để cung cấp thông tin và hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC. Theo đó, Cổng DVC quốc gia có chức năng chính là tích hợp cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; tích hợp các DVC trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương; hỗ trợ xác thực, đăng nhập một lần và thanh toán trực tuyến; tích hợp hệ thống phản ánh, kiến nghị cho người dân, DN; hỗ trợ người dân, DN qua hình thức trực tuyến hoặc qua tổng đài khi tìm hiểu, giải quyết hồ sơ TTHC. Đến nay, Cổng DVC quốc gia đã thực hiện cung cấp 8 nhóm DVC. Theo ước tính, tổng số tiền tiết kiệm được từ việc xử lý hồ sơ trực tiếp sang trực tuyến là khoảng 4.222 tỷ đồng⁵.

Đến quý IV/2019, các bộ, ngành trung ương đã và đang triển khai cung cấp 1.736

DVC trực tuyến mức độ 3 và 4, trong đó số lượng DVC có phát sinh hồ sơ là 1.046, đạt 60,25%. Các địa phương đang cung cấp 49.412 DVC trực tuyến mức độ 3 và 4, trong số đó, 11.415 có phát sinh hồ sơ, đạt tỷ lệ 23,10%.

Việc triển khai tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) được tăng cường. Năm 2019, cả nước có 14.505.494 lượt hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC thực hiện qua dịch vụ BCCI, trong đó dịch vụ tiếp nhận hồ sơ là 2.175.824 lượt, dịch vụ trả kết quả là 12.329.670 lượt, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong giải quyết TTHC, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, tổ chức, tạo tiền đề thúc đẩy triển khai cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3 và 4...⁶.

2. Như vậy, có thể thấy, việc đẩy mạnh cải cách TTHC, đẩy mạnh ứng dụng CNTT của các bộ, ngành, địa phương đã mang lại kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; nâng cao chất lượng cung cấp DVC cho người dân, tổ chức.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình cải cách TTHC vẫn còn một số hạn chế. Đó là việc một số bộ, ngành trung ương chậm công bố các nhóm TTHC thực hiện liên thông hoặc công bố không đầy đủ. Việc liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm quản lý chuyên ngành của một số bộ, ngành với phần mềm một cửa điện tử của các địa phương còn bất cập, gây khó khăn cho các địa phương trong giải quyết TTHC cho người dân, DN.

Hiện nay, một số TTHC liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của các bộ, ngành trung ương nhưng chưa được quy định thực hiện cơ chế một cửa, hoặc chưa quy định cụ thể thời gian giải quyết, có TTHC ghi thời hạn giải quyết là "không thời hạn", như: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có 2 TTHC (thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp

Lào, Cam-pu-chia; TTHC hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm); Bộ Tư pháp có 25 TTHC không quy định thời gian giải quyết...⁷. Điều này đang tạo khoảng trống, khiến cho tổ chức, công dân và các cơ quan có liên quan không kiểm soát được việc giải quyết TTHC.

Bên cạnh đó, một số địa phương công khai số liệu, kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm chưa đúng so với kết quả kiểm tra thực tế. TTHC trên một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp, cần phải tiếp tục rà soát, đơn giản hóa. Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ vẫn phổ biến ở một số lĩnh vực trọng tâm, như: đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội.

Tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Tình trạng văn bản gửi điện tử trên Trục liên thông văn bản quốc gia nhưng không bao gồm chữ ký số hoặc không đủ thông tin xác thực chữ ký số vẫn còn, dẫn tới các đơn vị nhận không đủ cơ sở để xử lý văn bản điện tử... Nhiều văn bản có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, gây khó khăn trong quá trình thực hiện, đặc biệt là giữa các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng và đất đai.

Một nội dung nữa là Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước thay thế Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính đã có hiệu lực. Tuy nhiên, Thông tư số 26/2019/TT-BTC lại không quy định phụ cấp đối với công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp như Thông tư số 172/2012/TT-BTC, do đó, các địa phương đang gặp khó khăn trong việc thực hiện chế độ, chính sách cho công chức tại bộ phận một cửa.

3. Trong thời gian tới, để tăng cường công tác cải cách TTHC, đẩy mạnh ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng phục vụ

người dân, DN, xây dựng Nhà nước kiến tạo, phục vụ, trước hết, cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành quy định TTHC; thường xuyên rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa các TTHC; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành các quy định pháp luật. Các bộ, ngành, địa phương cần chuẩn hóa các quy trình nội bộ, quy trình điện tử và thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trở ngại.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, chuẩn hóa dữ liệu TTHC và tích hợp, cung cấp các DVC trực tuyến trên Cổng DVC cấp tỉnh, cấp bộ và Cổng DVC quốc gia. Triển khai có hiệu quả Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, cấp tỉnh; nâng cấp Cổng DVC của bộ, ngành, địa phương, đáp ứng đầy đủ các tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định.

Đồng thời, nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm đồng bộ với hệ thống một cửa điện tử, DVC trực tuyến. Các bộ, ngành cũng cần thực hiện tổng rà soát và công bố TTHC kịp thời, thống nhất, hạn chế công bố rải rác các quyết định ở nhiều thời điểm khác nhau, gây khó khăn cho các địa phương trong việc cập nhật. Đặc biệt, các bộ, ngành có liên quan cần sớm ban hành nhóm danh mục TTHC liên thông. Kiểm soát chặt chẽ thời hạn công bố TTHC của các bộ, ngành sau khi văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC có hiệu lực để địa phương kịp thời công bố, công khai, tạo thuận lợi cho công dân, tổ chức biết, thực hiện khi có nhu cầu.

Thứ ba, tổ chức tập huấn hoặc có văn bản hướng dẫn triển khai đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, vì thực tế có nhiều chỉ số đánh giá chưa thật sự rõ ràng, phức tạp, gây áp lực về thời gian, cách thức đánh giá cho các sở, ngành, địa phương, đặc biệt đối với các cơ quan tiếp nhận và giải quyết nhiều hồ sơ.

Thứ tư, thực hiện tốt việc trao đổi văn bản điện tử qua Trực liên thông văn bản quốc gia; chấm dứt tình trạng sử dụng song song văn bản giấy và văn bản điện tử tại các bộ, ngành, địa phương; chú trọng nâng cấp phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại cơ quan, đơn vị, bảo đảm đáp ứng các quy định mới về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ điện tử.

Thứ năm, thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến mức độ 3 và 4 theo các danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, bảo đảm không làm kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ khi sử dụng dịch vụ này.

Các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, lan tỏa những mô hình mới, cách làm hay trong quá trình thực hiện cải cách TTHC. Tăng cường thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách TTHC đề ra; kịp thời phát hiện và giải quyết những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. □

Chú thích:

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Báo cáo số 6466/BC-BNV ngày 24/12/2019 của Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019..

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước.

TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN MINH PHƯƠNG*

Quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết. Bài viết đánh giá khái quát thực trạng, chỉ rõ những hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Tổ chức, sắp xếp; đơn vị sự nghiệp công lập; thực trạng, giải pháp.

The restructuring of public non-business units in accordance with the Resolution No. 19-NQ/TW dated October 25th, 2017 of the Sixth Plenum of the Twelfth Central Steering Committee of the Communist Party on continuing renovation of the organization and management system, improving the quality and performance of public non-business units, has gained achievements. However, there are difficulties and challenges that need to be addressed. The article assesses the current situation of the restructuring and points out the weaknesses, thereby proposing solutions to promote the restructuring of public non-business units in our country at present.

Keywords: Restructuring; public non-business units; current situation, solutions.

NGÀY NHẬN: 31/01/2020

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/02/2020

NGÀY DUYỆT: 16/3/2020

1. Quá trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW (khóa XII)

Số lượng đơn vị và nhân lực trong các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) ở nước ta trước khi có Nghị quyết số 19-NQ/TW (khóa XII) là rất lớn: năm 2016, có 57.995 đơn vị, với 2.441.791 người (chưa tính tổ chức và biên chế sự nghiệp trong lực lượng công an, quân đội và khu vực doanh nghiệp nhà nước). Trong đó: trung ương: 1.206 đơn vị; địa

phương: 56.789 đơn vị. Khối các cơ quan Đảng, đoàn thể quản lý có 811 đơn vị, với 15.529 người; khối Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Kiểm toán Nhà nước quản lý có 14 đơn vị, với 597 người; khối Chính phủ quản lý có 57.170 đơn vị, với 2.425.665 người. Trong các ĐVSNNCL, số lượng đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và y tế chiếm tỷ lệ lớn nhất (sự nghiệp giáo dục

* PGS.TS, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội